

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Văn Đoàn Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T1, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T1 có quen biết và quan hệ yêu đương từ năm 2020, sau một thời gian quan hệ tình cảm anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/9/2021; tuy nhiên hai bên chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau đó, chị T và anh T1 làm thủ tục đăng ký nhận cha cho con tại UBND xã T, chị T và con về sống chung cùng gia đình anh T1. Quá trình chung sống với nhau, ban đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T1 không quan tâm chăm sóc đến mẹ con chị. Đầu năm

2023 chị T đã mang con về nhà ngoại sống. Chị và anh T1 không còn chung sống từ đó và không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Bá T1.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Nguyễn Bá T1 có 01 con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/9/2021 hiện cháu đang ở cùng chị tại Hưng Yên. Chị đề nghị chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trong nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H thành niên và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị không đề nghị giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Bá T1 đến làm việc và thông báo cho anh T1 đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị N, sinh năm 1971 (là mẹ đẻ của anh T1), bà N khai: Anh Nguyễn Bá T1 hiện đăng ký nhân khẩu thường trú và ở cùng với bà tại khu A, xã T, huyện T.

Năm 2020 anh T1 có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Kiều T, chị T sau đó về sống chung với anh T1 như vợ chồng, tuy nhiên hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/9/2021. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm, năm 2023 chị T đã mang con về Hưng Yên, chị T và anh T1 không cùng chung sống với nhau từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Sau khi chị T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh T1, Tòa án đã báo gọi, gửi các giấy tờ văn bản tố tụng cho anh T1 tuy nhiên do bận công việc anh T1 không đến Tòa án làm việc được. Anh T1 có trao đổi lại với bà N, quan điểm của anh T1 như sau: Anh T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Về con chung anh T1 nhất trí giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp gì cho gia đình. Anh T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T1.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, xác định: Anh Nguyễn Bá T1 hiện có đăng ký nhân khẩu thường trú, chỗ ở cùng với mẹ đẻ là bà Hoàng Thị N tại khu A, xã T, huyện T. Năm 2020 anh T1 có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Kiều T, sau đó chị T về sống chung với anh T1 như vợ chồng tại nhà anh T1, tuy nhiên hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2021 chị T sinh con là cháu Nguyễn Nhật H, đến ngày 03/11/2021 anh T1 đến UBND xã T làm thủ tục đăng ký nhận cha, con. Sau đó do mâu thuẫn chị T đã mang con về Hưng Yên sinh sống, chị T và anh T1 không còn chung sống với nhau từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh T1,

quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Bá T1; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đang cư trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T1 theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Bá T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy chị T và anh T1 không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay chị Nguyễn Thị Kiều T đề nghị Tòa án giải quyết Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Nguyễn Bá T1. Anh Nguyễn Bá T1 không có ý kiến gì về

việc này. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Nguyễn Thị Kiều T với anh Nguyễn Bá T1.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Bá T1 có 01 con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/9/2021. Cháu đang ở cùng chị T tại Hưng Yên. Ngoài yêu cầu không công nhận vợ chồng, chị T đề nghị chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H thành niên; Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 không đề nghị được nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu H còn nhỏ, từ khi chị T và anh T1 không còn chung sống, cháu H ở và sinh hoạt cùng chị T. Cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu và đồng thời đảm bảo cho cháu cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi. Do vậy, cần giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào:** Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Bá T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Bá T1 có 01 con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/9/2021.

Giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Nhật H cho đến khi cháu H thành niên.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003910 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã tu Vũ (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tấn